

# HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM VIỆC VỚI BẢN ĐỒ TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Vũ Hải Thiên Nga

*Trường Đại học Thủ Dầu Một*

## TÓM TẮT

*Sử dụng bản đồ trong dạy học thuộc nhóm phương pháp dạy học trực quan. Trong dạy học địa lý ở trường trung học cơ sở, hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ là yêu cầu rất cần thiết. Thông qua việc sử dụng bản đồ, giáo viên dễ dàng tổ chức các hoạt động để học sinh khai thác kiến thức, hình thành được tư duy địa lý. Đó cũng là một cách để giáo viên đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Bài viết này trình bày phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ trong dạy học địa lý ở bậc trung học cơ sở.*

**Từ khóa:** địa lý, bản đồ, giáo viên, học sinh

### 1. Khái niệm về bản đồ địa lý

Bản đồ địa lý là mô hình kí hiệu hình tượng không gian của các đối tượng, các hiện tượng tự nhiên, xã hội, được thu nhỏ, được tổng hợp hóa theo một cơ sở toán học nhất định nhằm phản ánh vị trí, sự phân bố, mối tương quan của các đối tượng, hiện tượng và cả những biến đổi của chúng theo thời gian để thỏa mãn mục đích yêu cầu đã định trước.

Bản đồ được sử dụng trong dạy và học địa lý được gọi là bản đồ giáo khoa địa lý. Bản đồ trong sách giáo khoa biểu hiện một số nội dung tương ứng với bài học. Các nội dung về sự phân bố không gian của đối tượng địa lý còn được gọi là lược đồ.

### 2. Vai trò của bản đồ trong dạy và học địa lý

Bản đồ là một phương tiện trực quan, một nguồn tri thức địa lý quan trọng. Qua bản đồ, học sinh có thể nhìn một cách bao quát những khu vực lãnh thổ rộng lớn,

những vùng lãnh thổ xa xôi trên bề mặt trái đất mà mình chưa bao giờ có điều kiện đi đến tận nơi để quan sát. Về mặt kiến thức, bản đồ có khả năng phản ánh sự phân bố và những mối quan hệ của các đối tượng địa lý trên bề mặt trái đất một cách cụ thể mà không một phương tiện nào khác có thể làm được. Những ký hiệu, màu sắc, cách biểu hiện trên bản đồ là những nội dung địa lý đã được mã hóa, trở thành một thứ ngôn ngữ đặc biệt – ngôn ngữ bản đồ.

Về mặt phương pháp, bản đồ được coi là phương tiện trực quan giúp học sinh khai thác, củng cố tri thức và phát triển tư duy trong quá trình học địa lý. Để khai thác được những tri thức trên bản đồ, trước hết học sinh phải hiểu bản đồ, đọc được bản đồ, những kiến thức lý thuyết về bản đồ. Trên cơ sở đó có được những kỹ năng làm việc với bản đồ. Vì vậy, việc hình thành kỹ năng sử dụng bản đồ trong học tập địa lý cho học sinh là một nhiệm vụ quan trọng đối với giáo viên địa lý.

### 3. Tác dụng của việc hình thành kỹ năng làm việc với bản đồ của học sinh

Khi có kỹ năng làm việc với bản đồ thì học sinh có thể tái tạo lại hình ảnh các lãnh thổ nghiên cứu với những đặc điểm cơ bản của chúng mà không phải nghiên cứu trực tiếp ngoài thực địa. Làm việc với bản đồ, học sinh sẽ rèn luyện được kỹ năng sử dụng bản đồ không chỉ trong học tập, nghiên cứu mà cả trong cuộc sống, đặc biệt đối với lĩnh vực quân sự và trong các ngành kinh tế.

Khi phân tích nội dung các bản đồ rồi đối chiếu so sánh chúng với nhau, học sinh sẽ phát triển được tư duy logic, biết thiết lập các mối liên hệ giữa các đối tượng địa lý, nhất là các mối liên hệ nhân quả giữa chúng.

### 4. Cơ sở hình thành kỹ năng làm việc với bản đồ cho học sinh trung học cơ sở

Trong chương trình Địa lý ở bậc trung học cơ sở (THCS), những kiến thức, kỹ năng về bản đồ được phân bố rải khắp, xuyên suốt toàn bộ chương trình. Tuy

niên, ở đầu cấp – chương trình Địa lý 6, những kiến thức ban đầu về bản đồ được bố trí học tập trung trong bốn bài đầu, nhằm giúp cho học sinh có những kiến thức sơ đẳng về bản đồ (như khái niệm bản đồ, cách vẽ bản đồ, tỷ lệ bản đồ, các phương hướng trên bản đồ...) làm cơ sở để các em tiếp tục học tập và rèn luyện kỹ năng bản đồ trong toàn bộ chương trình THCS.

Những kiến thức bản đồ còn lại chủ yếu được dạy trong quá trình giáo viên sử dụng bản đồ địa lý giáo khoa treo tường hoặc hướng dẫn cho học sinh sử dụng bản đồ trong sách giáo khoa và atlas. Việc rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho học sinh còn được tiến hành qua hình thức các câu hỏi, bản thực hành trên lớp, tham quan địa lý và các bài tập ở nhà.

### 5. Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ trong dạy học địa lý ở bậc THCS

#### 5.1. Các kỹ năng làm việc với bản đồ của học sinh trong chương trình địa lý ở bậc THCS

Lớp	Kỹ năng bản đồ cụ thể
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết bản đồ, cách vẽ bản đồ, tỷ lệ bản đồ, kí hiệu bản đồ.</li> <li>– Xác định phương hướng, kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lý.</li> <li>– Xác định giới khu vực trên bản đồ.</li> <li>– Tính khoảng cách trên thực tế dựa vào tỷ lệ bản đồ, xác định độ cao dựa vào đường đồng mức.</li> <li>– Chỉ ra một số đối tượng địa lý trên bản đồ.</li> <li>– Nhận xét đơn giản sự phân bố một đối tượng địa lý trên bản đồ.</li> </ul>
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chỉ ra một đối tượng địa lý trên bản đồ.</li> <li>– Tìm và đọc các địa danh trên lược đồ.</li> <li>– Nêu và nhận xét sự phân bố các đối tượng địa lý.</li> <li>– Xác định vị trí của đối tượng địa lý.</li> <li>– Xác định hướng của đối tượng địa lý.</li> <li>– Giải thích mối quan hệ nhân quả đơn giản (hướng gió và lượng mưa theo mùa; điều kiện về mưa và nhiệt độ đối với thâm canh lúa nước; vĩ độ địa lý và đặc</li> </ul>

	điểm nhiệt độ...).
	– So sánh các đối tượng địa lý trên bản đồ.
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định tọa độ địa lý.</li> <li>– Xác định vị trí địa lý.</li> <li>– Tính toán khoảng cách trên lược đồ.</li> <li>– Tìm và đọc các địa danh trên lược đồ.</li> <li>– Xác định hướng của đối tượng địa lý.</li> <li>– Kể tên và sự phân bố các đối tượng địa lý phân bố theo điểm.</li> <li>– Giải thích mối quan hệ nhân quả đơn giản (vĩ độ địa lý và các đới khí hậu; sự phân bố các thành phố lớn với các yếu tố về tập trung dân cư, giao lưu, đường biển; vị trí địa lý và môi trường tự nhiên...)</li> <li>– So sánh các đối tượng địa lý trên bản đồ.</li> <li>– Thống kê trên bản đồ.</li> <li>– Nêu và nhận xét sự phân bố các đối tượng địa lý.</li> </ul>
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu / xác định / nhận xét sự phân bố một đối tượng địa lý.</li> <li>– Xác định vị trí địa lý của sự vật, hiện tượng địa lý.</li> <li>– Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lý.</li> <li>– Xác định quan hệ giữa các đối tượng địa lý.</li> <li>– Nhận xét đặc điểm tự nhiên, kinh tế của một lãnh thổ.</li> <li>– Giải thích sự phân bố của đối tượng địa lý.</li> <li>– Tìm / chỉ và kể tên đối tượng địa lý.</li> </ul>

Ở mỗi một khối lớp, kỹ năng làm việc với bản đồ của học sinh là khác nhau, nhưng có thể khái quát chung gồm những dạng:

- Nhận biết, chỉ và đọc các đối tượng địa lý trên bản đồ.
- Xác định phương hướng trên bản đồ.
- Xác định tọa độ địa lý trên bản đồ.
- Xác định khoảng cách trên bản đồ.
- Phát hiện các mối quan hệ địa lý trên bản đồ.

*5.2. Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ để hình thành các kỹ năng cụ thể*

- *Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ để hình thành kỹ năng nhận biết, chỉ và đọc các đối tượng địa lý trên bản đồ*

Giáo viên hướng dẫn các bước cụ thể như sau:

– Đọc tên bản đồ để xác định nội dung bản đồ. Có thể hướng dẫn bằng cách đặt câu hỏi để học sinh trả lời (bản đồ này có tên là gì?, bản đồ này thể hiện nội dung gì vậy?).

– Đọc bảng chú giải để nắm các kí hiệu quy ước trên bản đồ.

– Dùng kí hiệu quy ước trong bảng chú giải để tìm các đối tượng cần đọc trên bản đồ.

– Giáo viên làm mẫu (đọc và chỉ một số đối tượng trên bản đồ).

– Vừa phát âm một cách thông thả, vừa viết rõ ràng tên địa danh đó lên một góc của bảng (thường ghi ở phần bảng nháp).

– Yêu cầu một số học sinh lên bảng đọc và chỉ những đối tượng địa lý còn lại. Những học sinh khác đối chiếu tìm những đối tượng địa lý đó trên bản đồ trong sách giáo khoa, đồng thời quan sát phần đọc và chỉ bản đồ của bạn trên bảng và nhận xét.

Đối với học sinh lớp 6, yêu cầu đọc bản đồ mới chỉ ở mức độ sơ đẳng, tức là mới chỉ cần các em biết đọc được vị trí các đối tượng địa lý biểu thị trên bản đồ. Do vậy, việc hướng dẫn các em làm việc với bản đồ được dừng lại ở đây.

Đối với học sinh lớp 7, lớp 8, yêu cầu đọc bản đồ đòi hỏi cao hơn, tức là ngoài đọc được những đối tượng được biểu thị rõ ràng, trực tiếp trên bản đồ, các em còn phải gián tiếp tìm ra được những đặc điểm của đối tượng địa lý đó và bước đầu tập giải thích chúng. Với yêu cầu này, giáo viên có thể tiếp tục hướng dẫn bằng những câu hỏi gợi mở: “Như vậy, các em thấy các đối tượng địa lý này có chung đặc điểm gì về sự phân bố? Và tại sao chúng lại phân bố như thế?”.

Ví dụ, hướng dẫn học sinh làm việc với lược đồ tự nhiên Bắc Mỹ – Địa lý 7.

Sau khi giúp học sinh đọc và chỉ được sự phân bố các đối tượng cảnh quan rừng lá kim, rừng lá rộng.. trên bản đồ, giáo viên có thể hỏi “Em nhận xét gì về sự phân bố từng loại cảnh quan này? Tại sao chúng lại được phân bố như thế?”. Lúc này, học sinh phải vận dụng những kỹ năng đã có được từ trước, kết hợp kiến thức địa lý để trả lời được:

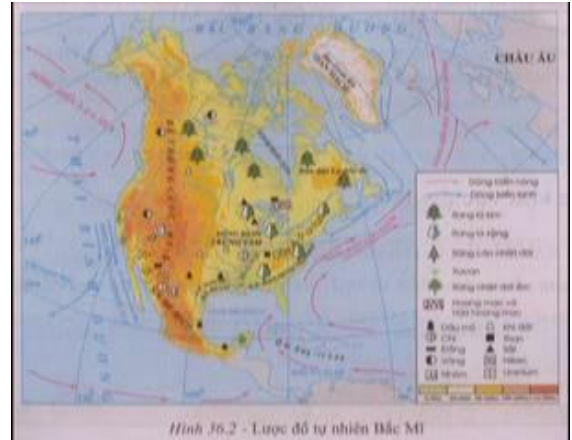
– Rừng lá kim phân bố chủ yếu ở phía Bắc của Bắc Mỹ – nơi vĩ độ cao, khí hậu lạnh.

– Rừng lá rộng phân bố chủ yếu ở đồng bằng Trung tâm và dãy Apalat – nơi có khí hậu ẩm áp, mưa nhiều, do ảnh hưởng của dòng biển nóng Gônxtim.

– Rừng cận nhiệt đới phân bố chủ yếu ở ven biển phía Tây của lục địa – nơi nằm trong khoảng vĩ độ 20 – 40<sup>0</sup>B, nhưng bị ảnh hưởng của dòng biển lạnh Caliphoclia, nên không khí bị lạnh đi.

– Xavan phân bố chủ yếu ở rìa phía Tây sơn nguyên Mehico.

– Rừng nhiệt đới ẩm phân bố ở phía Nam lục địa Bắc Mỹ.



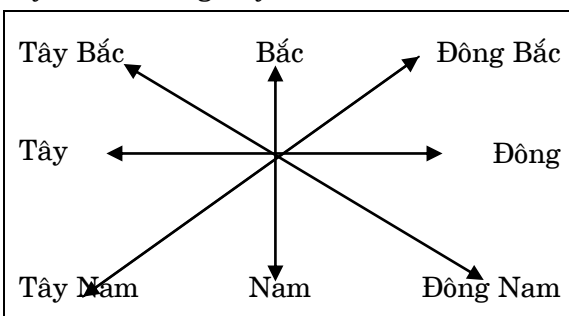
Đối với lớp 9, ngoài những yêu cầu như các lớp 6, 7, 8, học sinh còn phải tìm ra được mối liên hệ giữa các đối tượng trên bản đồ và rút ra những kết luận địa lý. Ví dụ, hướng dẫn học sinh làm việc với lược đồ công nghiệp khai thác nhiên liệu và công nghiệp điện của Việt Nam, năm 2002 – Địa lý 9:



Sau khi học sinh dựa vào bảng chú giải đọc được vị trí các nhà máy nhiệt điện, thủy điện trên cả nước, cũng như các nơi khai thác nhiên liệu, giáo viên giúp học sinh tìm ra mối liên hệ giữa chúng bằng câu hỏi: “Sự phân bố các nhà máy nhiệt điện có mối quan hệ gì với sự phân bố nơi khai thác nhiên liệu không? Tại sao?”. Đọc lược đồ này, ngoài tìm ra mối liên hệ giữa ngành sản xuất với nguồn nhiên liệu, còn yêu cầu dự đoán được tình hình phát triển kinh tế – xã hội ở những nơi đó. Để học sinh có thể dự đoán được, giáo viên phải gợi ý bằng câu hỏi “Các nhà máy nhiệt điện, thủy điện tập trung nhiều ở đâu? Vậy thì ở những nơi đó khả năng phát triển công nghiệp như thế nào? (là nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế)”.

- *Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ để hình thành kỹ năng xác định phương hướng trên bản đồ*

– Giáo viên nhắc và nhấn mạnh cho học sinh: muốn xác định phương hướng trên bản đồ, cần phải dựa vào hệ thống các đường kinh – vĩ tuyến. Theo quy ước thì phần chính giữa của bản đồ là trung tâm và bốn hướng chính như sau: đầu phía trên của kinh tuyến chỉ hướng Bắc, đầu phía dưới chỉ hướng Nam, đầu bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng Đông, và đầu bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng Tây (như hình vẽ).



Với các bản đồ không vẽ kinh – vĩ tuyến thì phải dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ để xác định hướng Bắc, sau đó tìm các hướng còn lại.

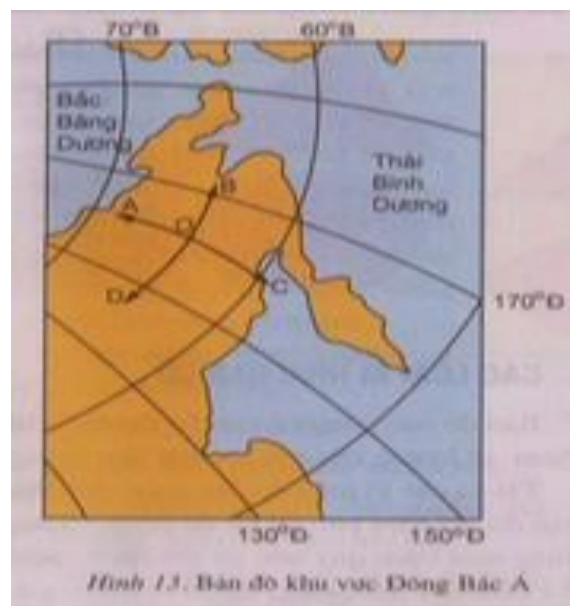
– Giáo viên làm mẫu xác định phương hướng của một đối tượng nào đó trên bản đồ và yêu cầu học sinh quan sát.

– Yêu cầu, chỉ định một hoặc một số học sinh lên bảng xác định phương hướng của một số đối tượng địa lý khác. Giáo viên và các học sinh khác quan sát.

– Cho học sinh vừa quan sát dưới lớp nhận xét phần xác định phương hướng của bạn trên bản đồ.

– Giáo viên nhận xét, chỉnh lý và bổ sung (nếu cần).

Ví dụ: Xác định phương hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D trên bản đồ khu vực Đông Bắc Á:



Hình 13. Bản đồ khu vực Đông Bắc Á

Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định hướng Bắc thông qua hệ thống vĩ tuyến bằng các câu hỏi gợi ý:

Em hãy xác định đâu là những đường vĩ tuyến?

Trên bản đồ, những đường vĩ tuyến nào được biểu thị? Đọc vĩ độ đó.

Dựa vào những đường vĩ tuyến, hãy xác định hướng Bắc? Từ đó xác định các hướng còn lại.

Với những câu hỏi gợi mở đó, học sinh sẽ dựa vào tọa độ địa lý được ghi trên bản đồ, xác định được vĩ độ được biểu thị là vĩ độ  $60^{\circ}B$  và  $70^{\circ}B$ , từ đó dễ dàng xác định được hướng đi từ O đến A là hướng Bắc; hướng ngược lại OC là hướng Nam; hướng OB là hướng Đông, và cuối cùng OD là hướng Tây.

- *Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ để hình thành kỹ năng xác định tọa độ địa lý trên bản đồ*

Việc đầu tiên là giáo viên phải hướng dẫn học sinh tìm hiểu các đường kinh – vĩ tuyến được biểu hiện trên bản đồ cách nhau bao nhiêu độ. Khoảng cách giữa hai đường kinh tuyến hoặc vĩ tuyến được chia làm mấy đoạn trên khung bản đồ và như vậy mỗi đoạn là bao nhiêu độ?

Sau khi học sinh đã nắm vững cách chia độ trên khung bản đồ, cho các em tập xác định tọa độ địa lý một điểm nằm trên cả đường kinh tuyến và vĩ tuyến có vẽ trên bản đồ (tức là điểm giao nhau giữa đường kinh tuyến và đường vĩ tuyến). Học sinh chỉ cần dựa vào khung bản đồ đọc số ghi độ của hai đường kinh – vĩ tuyến đó.

Chuyển sang tập xác định một điểm A nằm ngoài đường kinh – vĩ tuyến có vẽ trên bản đồ. Trong trường hợp này, hướng dẫn học sinh kẻ qua điểm A một đường kinh tuyến và một đường vĩ tuyến song song với các đường kinh tuyến và vĩ tuyến gần nhất đã cho. Kéo dài hai đường kinh – vĩ tuyến vừa vẽ cho đến khi gặp khung chia độ của

bản đồ và dựa vào đó tính số hiệu của hai đường kinh – vĩ tuyến đi qua điểm A.

Ví dụ, xác định tọa độ điểm A, H trên bản đồ khu vực Đông Nam Á – Địa lý 6.



Vì điểm A nằm giao giữa hai đường kinh tuyến và vĩ tuyến cho sẵn nên hướng dẫn học sinh chỉ cần đọc số ghi độ của hai đường đó (đọc và ghi kinh độ trước, vĩ độ sau).

$$A \begin{cases} 130^{\circ}Đ \\ 10^{\circ}B \end{cases}$$

Điểm H không nằm trên đường kinh tuyến cho trước, do vậy học sinh phải xác định khoảng cách từ H đến kinh tuyến gần nhất. Vì H nằm giữa hai đường kinh tuyến có số độ là  $120^{\circ}Đ$  và  $130^{\circ}Đ$ , nên suy ra H có tọa độ là:

$$H \begin{cases} 125^{\circ}Đ \\ 0^{\circ} \end{cases}$$

Từ kỹ năng xác định tọa độ địa lý của một điểm trên bản đồ chuyển sang cho học sinh xác định tọa độ địa lý của một quốc gia, một khu vực, hoặc một châu lục.

Trước hết, cho học sinh hiểu xác định tọa độ địa lý của một khu vực phải xác định được các điểm cực Bắc, cực Nam, cực Đông, cực Tây của khu vực đó.

Để làm được điều trên, học sinh phải tìm ra được 4 điểm giới hạn ngoài cùng của khu vực đó. Sau đó dựa vào đường vĩ tuyến

để xác định tọa độ điểm cực Bắc, cực Nam; dựa vào đường kinh tuyến để xác định tọa độ điểm cực Đông, cực Tây.

Ví dụ: Xác định tọa độ địa lý của Châu Âu – Địa lý 7.



Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định 4 điểm giới hạn ngoài cùng của châu Âu, sau đó quan sát xem các đường vĩ tuyến nào được biểu thị trên bản đồ, từ đó ước lượng giới hạn tọa độ điểm cực Bắc và cực Nam. Ở lược đồ tự nhiên châu Âu, các vĩ tuyến được biểu thị là 30<sup>o</sup>B, 40<sup>o</sup>B..., 70<sup>o</sup>B. Mà điểm giới hạn phía Bắc của châu Âu cao hơn vĩ tuyến 70<sup>o</sup>B khoảng 1<sup>o</sup>, nên tọa độ điểm cực Bắc là khoảng 71<sup>o</sup>B; tương tự như vậy cho điểm cực Nam: điểm giới hạn phía Nam của châu Âu nằm phía dưới vĩ tuyến 40<sup>o</sup>B, nằm trên vĩ tuyến 30<sup>o</sup>B, cách vĩ tuyến 30<sup>o</sup>B khoảng 6<sup>o</sup>, nên tọa độ điểm cực Nam là 36<sup>o</sup>B.

Tương tự như vậy cho việc xác định tọa độ điểm cực Đông và điểm cực Tây. Các kinh tuyến biểu thị trên bản đồ là 10<sup>o</sup>T, 0<sup>o</sup>, 10<sup>o</sup>Đ, 20<sup>o</sup>Đ..., 90<sup>o</sup>Đ. Điểm giới hạn phía Tây của châu Âu gần đến giới hạn đường kinh tuyến 10<sup>o</sup>T, nên tọa độ điểm cực Tây của châu Âu là khoảng 9<sup>o</sup>T; điểm giới hạn phía Đông của châu Âu gần đến giới hạn đường

kinh tuyến 70<sup>o</sup>Đ, cách đường kinh tuyến 70<sup>o</sup>Đ khoảng 3<sup>o</sup>, nên tọa độ điểm cực Đông của châu Âu là khoảng 67<sup>o</sup>Đ. Như vậy, châu Âu nằm giữa các vĩ độ 36<sup>o</sup>B – 71<sup>o</sup>B, và giữa các kinh độ 9<sup>o</sup>T – 67<sup>o</sup>Đ.

- *Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ để hình thành kỹ năng xác định khoảng cách trên bản đồ*

Trước hết cần cho học sinh hiểu: kỹ năng đo tính khoảng cách trên bản đồ là phải dựa vào tỉ lệ bản đồ. Kiến thức về tỉ lệ bản đồ học sinh đã được học ngay từ những bài đầu tiên trong chương trình địa lý lớp 6. Nhưng giáo viên có thể nhắc lại một số nội dung quan trọng để học sinh nhớ lại: tỉ số được ghi trên bản đồ, ví dụ: 1: 5.000.000, nghĩa là 1cm trên bản đồ tương ứng với 5.000.000cm ngoài thực địa (mà 5.000.000cm = 50km). Như vậy, một cách rất đơn giản là khi đo một đối tượng địa lý nào đó trên bản đồ, ta sẽ lấy con số đo được nhân với mẫu số của tỉ lệ bản đồ rồi bỏ đi 5 chữ số 0 ở cuối ta sẽ được khoảng cách của đối tượng đó ở ngoài thực địa (cũng có thể bỏ trước 5 chữ số 0 ở cuối trong số của mẫu số rồi mới nhân với khoảng cách đo được trên bản đồ)

Ví dụ: yêu cầu học sinh xác định chiều dài thực tế của một dãy núi trên bản đồ có tỉ lệ 1: 25.000. Học sinh đo được chiều dài dãy núi đó trên bản đồ là 12cm. Vậy chiều dài thực tế của dãy núi là: 12cm x 25 000 = 300 000cm = 3km. (Lưu ý, chỉ nên cho học sinh tập đo tính khoảng cách trên loại bản đồ có tỉ lệ lớn, vì nó ít bị sai lệch hơn so với bản đồ tỉ lệ nhỏ; và nên cho tập đo tính ở phần trung tâm bản đồ, vì độ sai số cũng ít hơn so với phần rìa bản đồ).

- *Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ để hình thành kỹ năng phát hiện các mối liên hệ địa lý trên bản đồ*

Các dạng mối liên hệ địa lý có thể có trên bản đồ:

– Mối liên hệ trực tiếp là mối liên hệ địa lý về vị trí trong không gian giữa các đối tượng địa lý, học sinh dễ nhận ra trong khi mô tả các đối tượng địa lý trên bản đồ. Ví dụ, khi mô tả một con sông phải tìm ra nơi bắt nguồn và nơi kết thúc, địa hình nơi nó chảy qua, những phụ lưu mà nó tiếp nhận...

– Mối liên hệ gián tiếp là những mối liên hệ giữa các hiện tượng tự nhiên, giữa hiện tượng kinh tế với nhau; mối liên hệ giữa các hiện tượng tự nhiên và kinh tế. Những mối liên hệ này thường khó phát hiện. Để phát hiện ra chúng, học sinh không chỉ dựa vào bản đồ mà còn phải dựa vào vốn kiến thức địa lý của mình, nhất là những hiểu biết về các quy luật địa lý.

Để hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ nhằm hình thành kỹ năng phát hiện các mối liên hệ địa lý trên bản đồ, giáo viên có thể tiến hành như sau:

– củng cố và phát triển thêm vốn hiểu biết bản đồ học của học sinh.

– Cung cấp dần các mối liên hệ địa lý làm cơ sở cho việc rèn luyện kỹ năng.

– Trên cơ sở vốn hiểu biết tích lũy của học sinh, giáo viên giúp các em tự phân biệt các mối liên hệ địa lý thông thường và các mối liên hệ địa lý nhân quả, mang tính quy luật.

Bản đồ là một phương tiện dạy học không thể thiếu trong dạy và học địa lí. Do vậy để khai thác tối đa nguồn tri thức chứa đựng trong phương tiện dạy học này, cũng như để rèn luyện có hiệu quả kỹ năng bản đồ cho học sinh, giáo viên phải có phương pháp hướng dẫn để cho học sinh được thường xuyên làm việc với bản đồ một cách đúng hướng, đúng cách. Đó cũng là một cách để giáo viên thay đổi phương pháp dạy học, hướng đến phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm.

## **GUIDING STUDENTS TO WORK WITH MAPS IN THE GEOGRAPHY PROGRAM IN JUNIOR HIGH SCHOOLS**

**Vu Hai Thien Nga**

*Thu Dau Mot University*

### **ABSTRACT**

*Using maps in teaching is subject to the visual teaching methods. In geography teaching in junior high schools, guiding students to work with maps is an essential requirement. Through the use of maps, teachers easily organize activities for students to exploit knowledge, forming geographical thinking. It also is a way for teachers renewing teaching methods towards encouraging learners to be more positive and proactive. This article presents methods to guide students to work with maps in geography teaching in junior high school.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Đặng Văn Đức (chủ biên), *Giáo trình lý luận dạy học địa lý phần cụ thể*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
- [2] Mai Xuân San, *Rèn luyện kỹ năng địa lý*, NXB Giáo dục, 1999.
- [3] Nguyễn Đức Vũ, Phạm Thị Sen, *Đổi mới dạy học địa lý trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, 2005.
- [4] Sách giáo khoa Địa lý 6, Địa lý 7, Địa lý 8, Địa lý 9.